GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI TP. HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA XII
KHOA ĐẠI CƯƠNG
THI GIỮA HỌC KỲ 3
MÔN: CỔ NGỮ HÁN 5
Giảng viên: SC.TS THÍCH NỮ THẢO LIÊN
SC.TS THÍCH NỮ TUỆ BỔN
MSSV: 10531 đến 12539. Sinh viên học tín chỉ.

STT	MSV	HỌ TÊN		PHÁP DANH	GHI CHÚ
1	XH.10531	Lê Thị Mỹ	Tiên	TN. Như Ánh	**Học tín chỉ**
2	12412	Trần Hồng	Luân	TN. Huệ Nghĩa	
3	12418	Hoàng Thị Chúc	Ly	TN. Giác Minh	
4	12428	Nguyễn Thị Họa	My	TN. Huệ Phát	
5	12434	Nguyễn Thị Hồng	Nga	TN. Lệ Trí	
6	12435	Lê Thị Mỹ	Nga	TN. Trung Quang	
7	12436	Ngô Thị	Ngân	TN. Đức Hòa	
8	12440	Nguyễn Kim	Ngân	TN. Nhuận Trí	
9	12441	Bùi Thị Trầm	Nghi	TN. Trung Hậu	
10	12443	Nguyễn Thị Sương	Ngọc	TN. Liên Phước	
11	12456	Phùng Thị	Nhãn	TN. Trung Tỉnh	
12	12457	Lý Thị	Nhạn	TN. Chúc Hoài	
13	12459	Võ Thị Kim	Nhi	TN. Như Trí	
14	12462	Trần Thị Hoài	Nhơn	TN. Như Nghĩa	
15	12463	Cao Thị	Như	TN. Minh Nguyện	
16	12467	Trịnh Thị	Nhung	TN. Hữu Hiếu	
17	12468	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	TN. Cát Tường Hải	
18	12469	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	TN. Vạn Từ	
19	12473	Nguyễn Thị	Nữ	TN. Thiền Lâm	
20	12484	Trần Thị	Phương	TN. Thánh Thức	
21	12486	Nguyễn Thị Minh	Phương	TN. Chơn Ngọc	
22	12493	Nguyễn Thị	Phượng	TN. Huệ Thức	
23	12494	Nguyễn Thị	Quắn	TN. Hiền Hiếu	

24	12498	Bùi Thị Thúy	Quyên	TN. Tâm Chơn	
25	12499	Nguyễn Thị	Quỳnh	TN. Diệu Huyền	
26	12501	Nguyễn Thị	Sáng	TN. Thiên Định	
27	12506	Lê Thị Bảo	Tâm	TN. Thiên An	
28	12508	Nguyễn Thị Minh	Tâm	TN. Diệu Phước	
29	12520	Phạm Thị	Thành	TN. Đức Nghị	
30	12521	Lương Thị Ngọc	Thạnh	TN. Giác Tuệ	
31	12524	Nguyễn Lê Phương	Thảo	TN. Quang Trí	
32	12526	Lê Thị Thu	Thảo	TN. Nguyên Thuận	
33	12528	Nguyễn Thị	Thảo	TN. Liên Lưu	
34	12531	Phan Thị Lệ	Thi	TN. Nhuận Trinh	
35	12533	Nguyễn Thị Giao	Thơ	TN. Diệu Thảo	
36	12536	Nguyễn Thị	Thơm	TN. Diệu Thành	
37	12537	Bùi Thị Minh	Thu	TN. Thánh Liên	
38	12539	Nguyễn Thị Lệ	Thu	TN. Như Thảo	

VĂN PHÒNG HỌC VIỆN